

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1495/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 29 tháng 6 năm 2026

V/v mời báo giá “Vật tư thay thế hệ thống phụ trợ
Lò hơi của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế hệ thống phụ trợ Lò hơi của NMĐ Sông Hậu 1”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm và cung cấp báo giá cho hàng hóa, dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục *đính kèm*.
2. Tiến độ thực hiện: Nhà thầu chào tiến độ sớm nhất có thể để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm thực hiện công việc: NMNĐ Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 17h00 ngày 11/7/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

*Email: dongpv@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn;
hunglt@pvpgb.vn; handh@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.*

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (P.V.Đ).

Đính kèm:

- Phụ lục: Danh mục Vật tư thay thế hệ thống phụ trợ Lò hơi của NMĐ Sông Hậu 1

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC
DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ HỆ THỐNG PHỤ TRỢ Lò HƠI CỦA NMD SÔNG HẬU 1
(Đính kèm công văn số: 1497/NMDSH1-TM ngày 29 tháng 6 năm 2026)

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
		Wall blower			IR-2H	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585			
1	53276030		Screw Tube & Packing Assembly	394851-6004			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 (Page: 62 to 63)	2	SET	*
2	53276003		Trigger Shaft Assembly	398582-000A			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 (Page: 65 to 66)	4	SET	*
3	53276008		Gear & Bearing Assembly	393914-1044			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 (Page: 74)	4	SET	*
		Long Sootblower			IK-545	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584			
4	48216027		CARRIAGE ASSEMBLY (Left)	Per Order	Carriage Assy L11, V=2.5m/min (w/o motor) Part no: 670100-00507A		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 (Page: 52 - 53) No: 11	1	SET	*
5	48216028		CARRIAGE ASSEMBLY (Right)	Per Order	Carriage Assy R11, V=2.5m/min (w/o motor) Part no: 670100-00508A		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 (Page: 52 - 53) No: 11	1	SET	*
		Coal Pulverizer			LM 28.3D	LOESCHE					
			TABLE; CPL					SH1-DHI-P1HFC-M-M01-DGA-1004 (page 25/79)			
6	54201036		LOUVRE RING, 8-PARTS		300 x 370 x 1370		Châu Âu/G7/OECD	No: 2	2	SET	*

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
7	54201037		DAM RING, 4-PARTS		100t x OD3070 x ID2800		Châu Âu/G7/OECD	No: 3	2	EA	*
8	54201040		LINING RING		25t x 60 x 9080		Châu Âu/G7/OECD	No: 10	8	EA	*
9	54201041		LINING RING		45t x O.D2865 x I.D2805		Châu Âu/G7/OECD	No: 11	8	EA	*
10	54201043		SCATTER RING		25t x O.D3190 x I.D3030		Châu Âu/G7/OECD	No: 13	2	EA	*
11	54201055		CAP SCREW		M24 - 80L		Châu Âu/G7/OECD	No: 45	72	EA	*
			ROOLER; CPL					SH1-DHI-PIHFC-M-M01-DGA-1004 (page 28/79)			
12	54201011		SLIP-RING SEALING; CPL		Ø500 x 90		Châu Âu/G7/OECD	No: 1	6	EA	*
13	54201013		SEALING SLEEVE		Ø790 x 162		Châu Âu/G7/OECD	No: 6	6	EA	*
14	54201008		GUARD		Ø1440 x 490		Châu Âu/G7/OECD	No: 7	6	EA	*
15	54201010		RING		O.D 595 x I.D 505 x 100L		Châu Âu/G7/OECD	No: 13	6	EA	*
16	54201014		LOCKING SLEEVE		Ø170 x 100		Châu Âu/G7/OECD	No: 22	72	EA	*
17	54201057		HEX SOC HD CAP SCREW		M20 - 80L		Châu Âu/G7/OECD	No: 37	72	EA	*
18	45700205		HEX SOC HD CAP SCREW		M12 - 25L		Châu Âu/G7/OECD	No: 38	48	EA	*
19	47003005		SCHNORR WASHER		S20		Châu Âu/G7/OECD	No: 52	72	EA	*
20	47003004		SCHNORR WASHER		S12		Châu Âu/G7/OECD	No: 53	72	EA	*
21	47043002		DISC SPRING		A125		Châu Âu/G7/OECD	No: 55	144	EA	*
22	54201051		SEALING RING		A 60 x 68		Châu Âu/G7/OECD	No: 56	6	EA	*
23	54201052		SEALING RING		A 25 x 30		Châu Âu/G7/OECD	No: 57	6	EA	*

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
24	54201053		SEALING RING		A 18 x 22		Châu Âu/G7/OECD	No: 58	6	EA	*
25	54201054		SEALING RING		A 14 x 18		Châu Âu/G7/OECD	No: 59	6	EA	*
26	50144166		Spherical Roller Bearing (Roller Cpl)		23268YMBW37W4 5B	Timken	Châu Âu/G7/OECD	No: 62	4	EA	
27	50324068		Cylindrical Roller Bearing (Roller Cpl)		NU2268EAMAW2 20C3	Timken	Châu Âu/G7/OECD	No: 63	4	EA	
28	48572089		O-RING		600 x 10		Châu Âu/G7/OECD	No: 65	12	EA	
			ROCKER ARM; CPL					SH1-DHI-P1HFC-M-M01-DGA-1004 (pahe 32/79)			
29	54201005		RING		70t x OD620 x ID523 (O.D620 x I.D533)		Châu Âu/G7/OECD	No: 26	6	EA	*
30	54201006		CROWN		145 x OD620 x ID425		Châu Âu/G7/OECD	No: 36	6	EA	*
31	43500003		HEX. SCREW AND NUT (Bu lông thép đen chịu nhiệt M12x30)		BOLT AND NUT; STEEL TYPE: Bu lông lục giác ren suốt MODEL: M12x30 SIZE: M12 * 30 mm INSIDE DIAMETER: 12 mm BOLT LENGTH: 30 mm MATERIAL CLASS: Thép, cấp bền 8.8 BOLT COATING: Thép đen chịu nhiệt INDUSTRY		Châu Âu/G7/OECD	No: 51	120	SET	

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					STANDARD: DIN 933 ADDITIONAL INFORMATION: Bộ gồm 1 bu lông + 1 đai ốc + 2 vòng đệm mm						
32	45700212		HEX. SCREW		M16 - 40L		Châu Âu/G7/OECD	No: 49	72	EA	
33	47003006		SCHNORR WASHER		S16		Châu Âu/G7/OECD	No: 60	72	EA	
			ROTOR;CPL		Classifier LSXS43	LOESCHE		SH1-DHI-P1HFC-M-M01-DGA-1004 (page 58/79)			
34	48564449		ROTARY SHAFT SEAL		BAU 760 x 800 x 20		Châu Âu/G7/OECD	No: 31	1	EA	*
35	50174030		ANGULAR CONTACT BALL BEARING		TIMKEN		Châu Âu/G7/OECD	No: 40	1	EA	*
36	50184001		DEEP GROOVE BALL BEARING		TIMKEN		Châu Âu/G7/OECD	No: 42	1	EA	*
		GAH			TYPE & SIZE: 2xCVUP3 13.2/2000	Doosan		SH1-DHI-P0HLD-M-M01-MAN-1665 (page: 37,38,43)			
37	53295034		Air Motor		DV20 0 191 - 05	PSI	Châu Âu/G7/OECD	P2	1	PC	*
38	51712004		Grid coupling		70SV	JAC	Châu Âu/G7/OECD	P4	1	PC	*
39	51712010		Grid coupling		60SV	JAC	Châu Âu/G7/OECD	P5	1	PC	*
40	53226009		Pump (Anti-clock wise swril)		TOP-N320H, including a pressure relief valve		Japan	No: 04	2	PC	*

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
41	53226011		Pump (Clock wise swirl)		TOP-N32011, including a pressure relief valve		Japan	No: 04	2	PC	*
		Light Oil Burner System				Doosan		SH1-DHI-P1HHB-M-M01-DGA-1003			
42	48591006		O-RING		2.4T x 13.8 I/D (P14) Material: FFPM		Châu Âu/G7/OECD	No: 12	250	PC	*
			Condenser vacuum pump		Pump type: Liquid Ring Model: TC10 Number of stage: 2 Holding capacity: 20.0 Sft3/m Holding suction pressure: 0.074 (55.5) bara(mmHgA) Pump speed: 500 rpm Pump discharge pressure: 1.013 barg Pump body pressure: 1.3 barg	Gardner Denver Nash	China (namplate)	SH1-DHI-P1MAJ-M-M01-DAS-3745 'Dwg.: 24-2847			
43	51700279		Slinger				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 3	2	PC	*
44	51700280		Tension spring				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 3-1	2	PC	*
45	51700281		Lip seal				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 5	2	PC	*
46	51700282		Lip seal				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 5-1	1	PC	*
47	51700283		Lantern gland				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 10	2	PC	*
48	51700284		Body gasket, Drive End (TC-10)				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 101-3	6	PC	*

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
49	51700285		Body gasket, Idle End (TC-10)				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 101-4	6	PC	*
50	51700286		Cone Gasket, Drive End				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 104-3	1	PC	*
51	51700287		Cone Gasket, Idle End				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 105-3	1	PC	*
52	51700288		Outer bearing cap gasket, driver end				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 115-3	1	PC	*
53	51700289		Inner bearing cap gasket, driver end				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 116-3	1	PC	*
54	50374076		Bearing, Driver end				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 119	1	PC	*
55	50374077		Bearing, Idle end				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 120	1	PC	*
56	51700292		Bearing gasket, Idle end				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 120-3	2	PC	*
57	51700293		Manifold gasket, Driver end				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 134-3	1	PC	*
58	51700294		Manifold gasket, Idle end				Châu Âu/G7/OECD	Part No.: 134-4	1	PC	*
		Vacuum Pump			Model Pos:T5SM Type: Liquid Ring Ser No: 1220	Vaccomp		SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412-1 (Page 183, 194, 203-204)			
59	48521073		Mechanical seal		Mech. Seal (2 req.) Type 9 2 1/4-in Dia.	John Crane	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	Set	*
60	48577016		Lip Seal (5)		1.PD 8494 (2 req.) 2,25x3,125x0,5 in	Johns Manville	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	PC	*
61	48577005		Lip Seal (5-1)		1.PD 3965 (1 req.) 1,625x2,5x0,438 in	Johns Manville	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	PC	*

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part NO)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
		Dryer Vacuum Pump			Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring Ser No: VC1224	Vaccomp		SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412-1 (Page 183, 194, 203-204)			
62	50184007		Bearing		Bearing for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	2	PC	*
63	48521013		Mechanical seal		Mechanical seal for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	Set	*
64	48577003		Lip Seal		Lip Seal for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	2	PC	*
65	48577018		Lip Seal		Lip Seal for Vacuum Pump Model Pos:C2SM Type: Liquid Ring; Ser No: VC1224		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HTT-M-M01-MAN-5412 page 194	1	PC	*
		Coarse ASH Slurry pumps			Model No.: LTS A 80 x 50H/ Horizontal centrifugal one stage, back pull out type Flow rate: 35 m3/h Total head: 32 m Total head: 32 m Pump speed: 1450 rpm Drive type: V - belt	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		SH1-LLM10-P0100-M-M03-DSU-0055 sheet 3/7			
66	51711047		SHAFT SLEEVE		material: STAINLESS		Châu Âu/G7/OECD	No.: 37	4	pc	*

Stt	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ (cập nhật theo: EPC/ O&M/ Name plate)	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
					STEEL Standard: ASTM CA-40 HARD SURFACE						
67	51710016		IMPELLER		material: 25% Cr ALLOY CAST IRON Standard: ASTM A532 cl.III typ.	HAI DUONG PUMP MANUFAC TURING	Châu Âu/G7/OECD	No.: 2	2	pc	*
		FLUID COUPLING FOR ASH SLURRY PUMP			MODEL SC-10	FLUIDOM AT		SH1-LLM10-P0100- M-M03-DSU-0067			
68	48574011		Oil seal on (OS)			SKF	Châu Âu/G7/OECD	It. No.: H-37	1	PC	

Yêu cầu khác:

- Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế (spare part/soft part, chỉ thể hiện vật liệu và vị trí lắp đặt trong bản vẽ, không có thông số kỹ thuật chi tiết về kích thước) cho các Máy nghiền, máy cấp, vòi đốt thuộc hệ thống Phụ trợ Lò hơi, là thiết bị hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), đối với các Mục (*) Nhà thầu chào phải chào hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.

- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Chứng từ kèm theo hàng hóa:

+ Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;

+ Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

*** Lưu ý:** Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa và đính kèm file excel của Bảng báo giá

